

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

HỒ MINH KHÁNH*

Tóm tắt: Trong phạm vi bài viết này, tác giả nghiên cứu khái quát về hợp đồng chuyển giao công nghệ, thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng chuyển giao công nghệ, những vướng mắc bất cập, từ đó nêu ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật Việt Nam về hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Từ khóa: Hợp đồng chuyển giao công nghệ; vướng mắc, bất cập; hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

Abstract: In this article, the author conducts a general research on contracts relating to technology transference, the current regulations of Vietnamese law regarding technology transference contracts, and the existing shortcomings. Based on this analysis, the author propose some solutions to enhance and improve the effectiveness of the enforcement of Vietnamese laws concerning technology transference contracts.

Keywords: Technology transference contracts/indentures; problems; perfecting Vietnam's law.

Ngày nhận bài: 16/11/2023; Ngày sửa bài: 12/12/2023; Ngày duyệt đăng bài: 20/01/2024.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động chuyển giao công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế và công nghiệp của một quốc gia. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của thị trường và hoạt động đầu tư kinh doanh ở Việt Nam, việc chuyển giao công nghệ đang ngày càng trở nên phổ biến giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là ở các mô hình kinh doanh theo hướng công ty mẹ (ở nước ngoài) và công ty con (ở Việt Nam) hoặc với các công ty kinh doanh nhượng quyền thương mại. Việc có một hợp đồng được soạn thảo tốt, với những điều khoản phù hợp, bảo đảm quyền và lợi ích của các bên tham gia là cơ sở để bảo đảm mối quan hệ chuyển giao diễn ra tốt đẹp và hạn chế các tranh chấp liên quan. Các thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ là nền tảng pháp lý để các bên thực hiện việc chuyển giao này.

Ở Việt Nam, với sự tăng cường về đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế theo

hướng hiện đại, pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ ở nước ta ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thi hành vẫn còn có những vướng mắc, bất cập nhất định cần được hoàn thiện để phù hợp với bối cảnh mới. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ là cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Khái quát về hợp đồng chuyển giao công nghệ

2.1. Khái niệm hợp đồng chuyển giao công nghệ

Theo khoản 7 Điều 2 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, chuyển giao công nghệ là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ. Chuyển giao công nghệ được thực hiện bằng các

* NCS., Khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội. Email: lawmk.minhkhanh@gmail.com

hình thức như: (i) Chuyển giao công nghệ độc lập; (ii) Phần chuyển giao công nghệ (trong trường hợp như: Dự án đầu tư; góp vốn bằng công nghệ; nhượng quyền thương mại; chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; mua, bán máy móc, thiết bị quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; (iii) Chuyển giao công nghệ bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật (Điều 5 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017).

Bản chất pháp lý của hợp đồng chuyển giao công nghệ là giao dịch dân sự giữa bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao, do đó cơ chế thực hiện giao dịch này là cơ chế hợp đồng, gọi là hợp đồng chuyển giao công nghệ. Theo nghĩa khách quan, hợp đồng chuyển giao công nghệ là tổng thể các quy định pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình chuyển giao công nghệ. Thông qua pháp luật, Nhà nước đã thể hiện ý chí của mình bằng cách xây dựng một hành lang pháp lý bao gồm những quy tắc giới hạn, tiêu chuẩn, thủ tục... mà các bên phải tuân thủ trong quá trình thực hiện giao dịch công nghệ. Theo phương diện chủ quan, hợp đồng chuyển giao công nghệ là hợp đồng ghi nhận sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân chuyển giao cho nhau các đối tượng sở hữu công nghiệp như bí quyết, kiến thức kỹ thuật về công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, phần mềm máy tính, tài liệu thiết kế, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật... Sự thỏa thuận thực chất là việc hai bên thống nhất ý chí để tiến hành giao dịch và chỉ được

coi là thỏa thuận nếu như trong quá trình thống nhất ý chí được dựa trên nguyên tắc bình đẳng, trung thực, tự nguyện¹.

Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có khái niệm chính thức về hợp đồng chuyển giao công nghệ phần nào cho thấy mức độ phức tạp của hợp đồng chuyển giao công nghệ đã dẫn đến việc nhà làm luật lựa chọn giải pháp an toàn là không đưa ra định nghĩa mà chỉ quy định những yêu cầu cụ thể đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ như đối tượng, nội dung, phương thức...

Từ những phân tích nêu trên, theo tác giả, có thể hiểu, hợp đồng chuyển giao công nghệ là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên về việc chuyển giao cho nhau các đối tượng công nghệ như bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; máy móc, thiết bị đi kèm.

2.2. Đặc trưng của hợp đồng chuyển giao công nghệ

Hợp đồng chuyển giao công nghệ cũng là một dạng của hợp đồng thương mại nên cũng tuân thủ các quy định chung của pháp luật về hợp đồng thương mại, hợp đồng dân sự. Tuy nhiên, do bản chất của giao dịch nên hợp đồng chuyển giao công nghệ có những điều khoản và quy định đặc thù riêng. Cụ thể:

Một là, hợp đồng chuyển giao công nghệ có đối tượng là công nghệ - một loại tài sản vô hình, giá trị của nó không nằm trong

¹ Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của hợp đồng chuyển giao công nghệ là gì?, <https://luathoanganh.vn/hoi-dap-luat-dan-su/khai-niem-va-nhung-dac-trung-co-ban-cua-hop-dong-chuyen-giao-cong-nghe-la-gi-lha3032.html>, truy cập ngày 03/02/2024.

chính những hình thái vật chất mà là khả năng đem lại những giá trị cao hơn trong sản phẩm được áp dụng công nghệ ấy. Đây là điểm đặc thù quan trọng của hợp đồng chuyển giao công nghệ so với những hợp đồng dân sự khác (hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng thuê tài sản...). Theo khoản 1 Điều 4 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, đối tượng của hợp đồng chuyển giao công nghệ là bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; máy móc, thiết bị đi kèm. Đối tượng chuyển giao công nghệ thuộc danh mục bị hạn chế chuyển giao thì phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép chuyển giao công nghệ.

Hai là, hợp đồng chuyển giao công nghệ phải được lập dưới hình thức văn bản. khoản 1 Điều 22 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định: Việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ phải được lập thành văn bản hoặc hình thức khác được coi là giao dịch bằng văn bản theo quy định của Bộ luật Dân sự. Văn bản hợp đồng phải được các bên ký, đóng dấu (nếu có); ký, đóng dấu giáp lai (nếu có) vào các trang của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

Ba là, thỏa thuận chuyển giao công nghệ có thể được gán trong hợp đồng mua bán máy móc thiết bị, không nhất thiết phải độc lập thành một hợp đồng riêng biệt.

Bốn là, hợp đồng chuyển giao công nghệ gán với một số hạn chế liên quan đến các thủ tục đăng ký hoặc cấp phép. Hầu hết, các quốc gia đều phải đối mặt với vấn đề làm thế nào để khuyến khích phát triển công nghệ thông qua hoạt động chuyển

giao công nghệ nhưng không trở thành “một bãi rác công nghệ”. Chính vì vậy, các quốc gia thường có chính sách khuyến khích chuyển giao hoặc nhận chuyển giao một số dạng công nghệ, đồng thời hạn chế và ngăn cấm một số hoạt động công nghệ khác. Ở Việt Nam, nếu muốn được hưởng các chính sách ưu đãi, các bên cần phải tiến hành thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ. Một số loại danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao được quy định tại phụ lục II Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (Nghị định số 76/2018/NĐ-CP), việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ chỉ được thực hiện sau khi đã được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Năm là, phí và cách tính phí chuyển giao công nghệ cũng có sự khác biệt so với các loại hợp đồng khác. Điều đó có thể do các bên thỏa thuận, hay tính trên giá bán, trên doanh thu hàng tháng, trên lợi nhuận sau thuế hoặc trước thuế.

3. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng chuyển giao công nghệ

3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng chuyển giao công nghệ

Hợp đồng chuyển giao công nghệ được giao kết và thực hiện theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Cạnh tranh và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Theo Điều 23 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, hợp đồng chuyển giao công nghệ có những nội dung cơ bản như sau:

Về đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu

chuẩn, chất lượng sản phẩm: Theo khoản 1 Điều 4 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, công nghệ được chuyển giao là một hoặc các đối tượng như: Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; máy móc, thiết bị đi kèm các đối tượng trên.

Về phương thức chuyển giao công nghệ: Các bên có thể thỏa thuận lựa chọn một trong các phương thức theo quy định tại Điều 6 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017².

Về giá, phương thức thanh toán: việc thanh toán được thực hiện bằng một hoặc một số phương thức thanh toán được quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP³.

Theo khoản 2 Điều 24 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận; trường hợp các bên không thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm giao kết, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

Khoản 3 Điều 24 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định: Hợp đồng chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao có hiệu lực từ thời điểm được cấp giấy phép chuyển giao công nghệ. Hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp đăng ký theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này có hiệu lực từ thời điểm được cấp giấy chứng

nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung thì hợp đồng gia hạn, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ.

Theo khoản 1 Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, trừ công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc một trong những trường hợp sau đây phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ: (i) Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; (ii) Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; (iii) Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 25 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định:

+ Bên giao công nghệ có quyền: (i) Yêu cầu bên nhận công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; (ii) Được thanh toán đầy đủ và hưởng quyền, lợi ích khác theo thỏa thuận trong hợp đồng; (iii) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật; (iv) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao; (v) Yêu cầu bên nhận công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên nhận công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp

² Xem: Điều 6 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

³ Xem: Khoản 2 Điều 27 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; (vi) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

+ Bên giao công nghệ có nghĩa vụ: (i) Bảo đảm quyền chuyển giao công nghệ là hợp pháp và không bị hạn chế bởi bên thứ ba, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; (ii) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên nhận công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng; (iii) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận; (iv) Thông báo cho bên nhận công nghệ và thực hiện các biện pháp thích hợp khi phát hiện có khó khăn về kỹ thuật của công nghệ được chuyển giao làm cho kết quả chuyển giao công nghệ có khả năng không đúng cam kết trong hợp đồng; (v) Đề nghị cấp giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ Việt Nam ra nước ngoài, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; (vi) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định:

+ Bên nhận công nghệ có quyền: (i) Yêu cầu bên giao công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; (ii) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao; (iii) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật; (iv) Yêu cầu bên giao công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên giao công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp

các bên có thỏa thuận khác; (v) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

+ Bên nhận công nghệ có nghĩa vụ: (i) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên giao công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng; (ii) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận; (iii) Đề nghị cấp giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; (iv) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Một số vướng mắc, bất cập của pháp luật Việt Nam về hợp đồng chuyển giao công nghệ

Một là, hiện nay, pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ nằm rải rác ở các văn bản pháp luật như: Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Đầu tư, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thương mại... trong khi đó một số văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ đã được ban hành trước đó một thời gian. Không những thế, do các chủ thể soạn thảo là khác nhau (Ví dụ: Luật Chuyển giao công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, trong khi Luật Doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm soạn thảo, còn các luật thuế lại thuộc về Bộ Tài chính...), nên có những quy định chưa thống nhất. Điều này gây khó khăn, bất cập trong quá trình thực thi pháp luật về chuyển giao công nghệ nói chung và pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ nói riêng.

Hai là, ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ trong bối cảnh

của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc chuyển giao công nghệ ở Việt Nam diễn ra sôi động với nhiều hình thức đa dạng như: Hợp đồng chuyển giao công nghệ; hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ; hợp đồng nhượng quyền thương mại... Theo đó, tranh chấp giữa các bên trong việc chuyển giao công nghệ ngày càng gia tăng. Ngoài ra, pháp luật chuyển giao công nghệ hiện hành chưa quy định cụ thể vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thẩm định và thẩm tra công nghệ đối với các công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào trong nước, từ trong nước ra nước ngoài hay nội bộ trong nước để ngăn chặn các dòng công nghệ cấm đầu tư và hạn chế đầu tư tại Việt Nam. Đây là một hạn chế có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động chuyển giao công nghệ, do vậy, cần phải có những quy định pháp luật chặt chẽ hơn.

Ba là, công tác kiểm soát nhập khẩu công nghệ trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ và kiểm soát thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng chưa được quan tâm đúng mức. Nhà đầu tư thường chú trọng, quan tâm đến lợi ích, đầu tư để sinh lợi, nhưng quy định pháp luật lại cho phép nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về nội dung công nghệ. Qua thẩm định các dự án FDI cho thấy, nội dung giải trình công nghệ thường rất sơ sài, trong khi đó, công nghệ lại có đặc điểm quan trọng là hàng hóa vô hình. Để lựa chọn công nghệ phù hợp với mục tiêu của dự án, thường phải đưa ra các phương án công nghệ để so sánh, lựa chọn phương án tối ưu, xem xét quy trình công nghệ, trình độ công nghệ, nguồn gốc xuất xứ máy móc, thiết bị, tính đồng bộ của dây chuyền sản xuất... Theo Bộ Khoa học và

Công nghệ, với xu thế đơn giản hóa thủ tục hành chính, hồ sơ dự án đầu tư ngày càng đơn giản, nên cơ quan thẩm định công nghệ không có đủ cơ sở để xem xét, đánh giá. Mặt khác, khi phân cấp đầu tư, hầu hết các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lại không gửi hồ sơ dự án hội ý kiến các Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Do đó, trường hợp nhà đầu tư đưa vào máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu, gây ô nhiễm môi trường..., thì không có cơ chế để ngăn chặn ngay từ đầu, mà phải đợi đến khi hậu kiểm thì không có cơ quan nào chịu trách nhiệm giải quyết hậu quả...

Bốn là, cơ chế kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn trong việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ; thiết lập và phát triển hệ thống cung cấp hỗ trợ thông tin về chuyển giao công nghệ, phối hợp triển khai hỗ trợ thông tin về chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể nên gây khó khăn trong quá trình thực thi các hoạt động này trên thực tế. Bên cạnh đó, có lúc, có nơi sự phối hợp, liên kết, chia sẻ thông tin giữa các tổ chức trợ giúp doanh nghiệp của các bộ, ngành trung ương và địa phương chưa thực sự kịp thời và hiệu quả.

Năm là, vấn đề chuyển giao giá trong chuyển giao công nghệ đang là một trong những bất cập trong việc chuyển giao công nghệ, nhất là sau khi Luật Chuyển giao công nghệ ra đời, việc kiểm soát giá trong các hợp đồng chuyển giao công nghệ cũng đã bị bãi bỏ. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài thường được diễn ra dưới hình thức chuyển giao công nghệ thông qua góp vốn đầu tư giữa công ty mẹ ở nước ngoài

với công ty con ở trong nước. Quá trình góp vốn bằng công nghệ trong các dự án đầu tư, công ty mẹ thường kê khai giá trị chuyển giao công nghệ cao hơn so với giá thực tế, công ty con chuyển giá trị đó về công ty mẹ dưới hình thức khấu hao, do đó tạo ra hiện tượng lãi thật, lỗ giả nhằm kéo theo việc các doanh nghiệp trốn thuế thu nhập phải nộp cho Nhà nước. Trong thời gian qua, một số doanh nghiệp đã lợi dụng kẽ hở pháp luật gây khó khăn cho Sở khoa học và Công nghệ cũng như các cơ quan quản lý thuế trong việc kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ. Điều đó dẫn đến tình trạng chuyển giao công nghệ lác lác kéo theo các nước có nguy cơ trở thành bãi thải công nghiệp và nhiều doanh nghiệp trốn thuế khó kiểm soát của các cơ quan quản lý thuế⁴.

Sáu là, hiện nay, Nhà nước khuyến khích việc chuyển giao công nghệ, nhất là từ nước ngoài về Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế, rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam mới chỉ quan tâm đến việc thương mại hóa công nghệ mà chưa thực sự chú trọng, quan tâm đến vấn đề pháp lý, chưa chủ động trong việc đàm phán và ký kết hợp đồng dẫn tới những rủi ro và thiệt hại không đáng có.

Bảy là, có trường hợp, vai trò của các cơ quan nhà nước chưa thực sự được phát huy hiệu quả trong việc phát hiện, ngăn ngừa các sai phạm trong thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Tám là, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyển giao công nghệ nói chung và pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ nói riêng cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân chưa thường xuyên,

liên tục, kịp thời. Điều đó dẫn đến các đối tượng này chưa nắm rõ và hiểu hết quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ nói chung và pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ nói riêng để thực thi nghiêm chỉnh và đầy đủ trong thực tiễn.

4. Một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật Việt Nam về hợp đồng chuyển giao công nghệ

Thứ nhất, hiện nay, pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, nên có những quy định chưa thống nhất. Chính vì vậy, để bảo đảm khả năng điều chỉnh, các cơ quan có liên quan cần có sự rà soát, pháp điển hóa các văn bản pháp luật có nội dung liên quan về hoạt động chuyển giao công nghệ, đề từ đó có những kiến nghị sửa đổi cho phù hợp và thống nhất, tạo điều kiện khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam.

Thứ hai, như trên đã phân tích, pháp luật chuyển giao công nghệ hiện hành chưa quy định cụ thể về vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thẩm định và thẩm tra công nghệ đối với các công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào trong nước, từ trong nước ra nước ngoài hay nội bộ trong nước để ngăn chặn các dòng công nghệ cấm đầu tư và hạn chế đầu tư tại Việt Nam. Đây là một hạn chế có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động chuyển giao công nghệ, do vậy, cần có những quy định pháp luật chặt chẽ hơn về vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thẩm định và thẩm tra công nghệ.

⁴ Một số bất cập trong chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, <https://vi.apra.vn/mot-so-bat-cap-trong-chuyen-giao-cong-nghe-cua-doanh-nghiep>, truy cập ngày 01/01/2024.

Thứ ba, xây dựng chiến lược và dự báo xu hướng phát triển của hợp đồng chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nhập khẩu công nghệ trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Bộ Khoa học và Công nghệ cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan tạo hành lang pháp lý đồng bộ về công tác thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư; xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với việc kiểm soát thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng: Cần “lựa chọn công nghệ phù hợp” trong hoạt động chuyển giao công nghệ vào Việt Nam. Công nghệ thích hợp có nghĩa là phải tính đến nhiều nhân tố ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh trong nước như yếu tố dân số, tài nguyên, môi trường văn hóa - xã hội và các hệ thống pháp lý, chính trị. Như vậy, vấn đề không chỉ nằm trong tiêu chuẩn về khoa học, mà còn nằm trong tiêu chuẩn hành vi, về đặc điểm văn hóa - xã hội của công nghệ. Việc “lựa chọn công nghệ phù hợp” cũng cần phải được nhấn mạnh trong các hoạt động đưa các kết quả nghiên cứu và triển khai trong nước vào thực tiễn sản xuất, từ đó nhân rộng mô hình ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ đạt được đó ra các địa phương khác tương ứng với những điều kiện cụ thể khác nhau. Vấn đề “lựa chọn công nghệ phù hợp” có ý nghĩa rất quan trọng vì đây là nhân tố quyết định đến sản phẩm đầu ra, liên quan trực tiếp đến chiến lược phát triển và mở rộng sản xuất cũng như thâm nhập - mở rộng thị trường của mỗi doanh nghiệp và còn có nhiều tác động kinh tế - xã hội khác nữa.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn trong việc thực

hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ; thiết lập và phát triển hệ thống cung cấp hỗ trợ thông tin về chuyển giao công nghệ, phối hợp triển khai hỗ trợ thông tin về chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. Các tổ chức trợ giúp doanh nghiệp của các bộ, ngành trung ương và địa phương cần có sự phối hợp và liên kết thành một hệ thống để chia sẻ thông tin với nhau và cùng nhau hỗ trợ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp một cách hiệu quả. Thu thập, khai thác tốt các nguồn thông tin trong và ngoài nước để xây dựng và tổ chức thành các cơ sở dữ liệu, thiết lập các bộ phận chuyên trách cung cấp thông tin cho doanh nghiệp theo từng lĩnh vực, từng ngành hàng và từng khu vực thị trường cụ thể. Đổi mới phương thức cung cấp hỗ trợ thông tin của các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn cả nước.

Thứ năm, mặc dù, pháp luật hiện hành quy định giá công nghệ chuyển giao do các bên thỏa thuận nhưng giá công nghệ chuyển giao phải được kiểm toán và thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và giá trong 03 trường hợp: Công nghệ được chuyển giao giữa các bên trong đó ít nhất một bên có vốn sở hữu nhà nước; công nghệ được chuyển giao giữa các bên có quan hệ công ty mẹ - công ty con; công nghệ được chuyển giao giữa các bên có quan hệ liên kết theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 27 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017). Theo đó, để ngăn chặn hiện tượng chuyển giá, dẫn đến thất thu thuế và cạnh tranh không lành mạnh, thì cần thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về vấn đề này.

Thứ sáu, để hạn chế tối đa rủi ro và tối ưu hóa lợi ích khi giao kết hợp đồng chuyển

giao công nghệ, tránh những tranh chấp không đáng có, các bên cần có sự thiện chí và thận trọng nhất định trong việc đàm phán, rà soát, ký kết và thực hiện hợp đồng, nhất là doanh nghiệp Việt Nam khi nhận chuyển giao công nghệ từ các công ty, tập đoàn lớn của nước ngoài.

Thứ bảy, tăng cường vai trò của các cơ quan nhà nước nhằm phát hiện, ngăn ngừa kịp thời các sai phạm trong thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Thứ tám, để thực thi có hiệu quả pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ, các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyển giao công nghệ nói chung và pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ nói riêng để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Định kỳ, cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Chuyển giao công nghệ để kịp thời có những biện pháp cần thiết bảo đảm tăng cường hiệu quả của Luật này.

Kết luận

Chuyển giao công nghệ là một chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế. Vì vậy, muốn xây dựng hoạt động chuyển giao công nghệ một cách hiệu quả chúng ta cần xây dựng một môi trường vĩ mô ổn định, hệ thống pháp luật hoàn thiện và cơ sở hạ tầng kinh tế tốt, vững chắc. Đồng thời, Nhà nước đề ra các chính sách chi tiết hơn trong việc khắc phục những hạn chế chuyển giao công nghệ, ngăn chặn hiện tượng chuyển giá qua hoạt động này và nâng cao hiệu lực quản lý đối với hoạt động chuyển giao công nghệ. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho

doanh nghiệp trong ứng dụng, đổi mới công nghệ, góp phần phát triển thị trường khoa học - công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4. Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
5. Luật Sở hữu trí tuệ - Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH Luật Sở hữu trí tuệ do Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Bùi Văn Cường ký xác thực ngày 08/7/2022.
6. Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
7. Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
8. Một số bất cập trong chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, <https://vi.apra.vn/mot-so-bat-cap-trong-chuyen-giao-cong-nghe-cua-doanh-nghiep>, truy cập ngày 03/02/2024.
9. Thực trạng và giải pháp chuyển giao công nghệ ở Việt Nam, <https://dovetec.vn/thuc-trang-va-giai-phap-chuyen-giao-cong-nghe-o-viet-nam/>, truy cập ngày 03/02/2024.
10. Hoàn thiện chính sách và pháp luật về chuyển giao công nghệ, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208604>, truy cập ngày 03/02/2024.